

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN
TỈNH THÁI NGUYÊN
Số: 51/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VN, ngày 29 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị U, sinh năm 1988.

Cư trú tại: xóm ĐB, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1988.

Cư trú tại: TB, xã QT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị U và anh Vũ Văn C.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ vợ chồng:** Chị Phan Thị U và anh Vũ Văn C nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Phan Thị U và anh Vũ Văn C nhất trí thỏa thuận giao cho chị Uyên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Phan T T sinh ngày 13/10/2009. Anh C có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Phan Thị U và anh Vũ Văn C thỏa thuận, anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 tháng. Việc cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự kiện khác.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị U chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN theo biên lai số 0007652 ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện VN;
- UBND xã TT;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tất Thắng

